

Bản án số: **36/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-01-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hòa.
Ông Nguyễn Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 439/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 6234/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1978; địa chỉ: Số X đường D, phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **W**, sinh năm 1971; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); địa chỉ: Đài Loan. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông W tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyền số X2 ngày 16 tháng 5 năm 2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn khoảng 03 tháng bà cùng chồng sang sinh sống tại Đài Loan. Ngày 17 tháng 4 năm 2002, bà sinh con; mặc dù mới sinh nở nhưng chồng và gia đình bên chồng không những không phụ giúp gì bà mà còn

ép buộc bà phải làm các công việc nặng nhọc trong nhà. Cuộc sống hôn nhân của bà hoàn toàn không có hạnh phúc, do bất đồng về ngôn ngữ nên hai người chung sống không hòa thuận, có lần ông W đã đánh đập bà. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không có nên bà trở về sinh sống tại Việt Nam và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông W.

Về con chung: Bà và ông W có 01 người con chung là W2, giới tính: Nam, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2002. Từ khi sinh ra cho đến nay, con chung sinh sống tại Đài Loan cùng ông W. Bà đồng ý giao con chung cho ông W tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về vấn đề cấp dưỡng: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng; yêu cầu được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông W không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa hai người.

Đối với bị đơn ông W và con chung W2 đang cư trú tại Đài Loan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án đối với bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, lấy ý kiến của con chung từ đủ 07 tuổi trong vụ án tranh chấp về ly hôn thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan.

Tại Văn bản số 1070020204 ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản lấy lời khai, bị đơn ông W trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Kim N đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống tại làng Nghĩa Trục (Đài Loan); đến năm 2007 ông và bà N ly hôn tại Đài Loan, bà N trở về Việt Nam. Sau khi thực hiện thủ tục ly hôn tại Đài Loan, ông và bà N hầu như không liên lạc với nhau; bà N có gọi điện thoại để hỏi thăm con. Khoảng 05 năm nay, ông và bà N đã không còn liên hệ gì với nhau nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N ông không có ý kiến gì và hoàn toàn tôn trọng quyết định của bà N vì vợ chồng ông đã ly hôn tại Đài Loan từ năm 2007.

Về con chung: Ông W xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim N có 01 người con chung là W2, giới tính: Nam, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2002 hiện đang sống cùng với ông. Ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung đúng như mong muốn của con chung và không yêu cầu bà N cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Kim N không có tài sản chung và nợ chung.

Đồng thời, bị đơn ông W trình bày không thể về Việt Nam tham gia các buổi làm việc, phiên họp hòa giải và phiên tòa theo Thông báo của Tòa án được do bản việc riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N và bị đơn ông W thì quan hệ hôn nhân giữa hai người được xác lập trên cơ sở tự nguyện là hợp pháp, tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc nên đến năm 2007, bà N và ông W đã thỏa thuận ly hôn tại Đài Loan. Sau khi ly hôn, bà N trở về Việt Nam và không còn trở về Đài Loan tiếp tục chung sống với ông W nữa. Có đủ cơ sở để xác định cuộc hôn nhân giữa bà N và ông W không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Do con chung từ khi sinh ra đến nay sinh sống cùng bị đơn ông W tại Đài Loan; cả bà N và ông W cùng đồng ý giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại các bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là ông W, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan), hiện đang định cư tại Đài Loan; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông W trình bày do bận việc riêng nên không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa được (Theo Biên bản lấy lời khai do Tòa Dân sự

Tòa án địa phương Gia Nghĩa, Đà Loan lập). Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn; ý kiến của bị đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm a Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn; căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 16 tháng 5 năm 2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông W được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn, hai người chung sống tại Đà Loan; đến thời điểm bà Nguyễn Thị Kim N sinh con thì vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa. Năm 2007, bà N và ông W đã thực hiện thủ tục ly hôn tại Đà Loan, bà N trở về Việt Nam sinh sống và chỉ liên hệ qua điện thoại để hỏi thăm về con chung. Xác định không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông W, bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn ông W trình bày không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N, ông tôn trọng quyết định của bà N.

Xét thấy, giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim N và ông W thực tế có mâu thuẫn, hai người không còn chung sống hay liên hệ gì với nhau trong thời gian dài, điều này thể hiện không ai còn ý định hòa giải, đoàn tụ gia đình. Ngoài ra, vào năm 2007 bà N và ông W đã thỏa thuận ly hôn tại Đà Loan. Hôn nhân giữa bà N và ông W không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông W như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông W có 01 người con chung là W2, giới tính: Nam, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2002 hiện đang sinh sống tại Đà Loan cùng ông W. Các đương sự cùng đồng ý giao con chung cho ông W tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc vì phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và nguyện vọng của con chung. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông W không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm a Khoản 5 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83, 84, 85, 107, 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông W.

Giấy chứng nhận kết hôn số X1 quyển số X2 ngày 16 tháng 5 năm 2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông W có 01 người con chung là W2, giới tính: Nam, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2002. Giao con chung cho ông W trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn ông W không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X3 ngày 25 tháng 9 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn ông W cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS. (TC20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn